

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TUY AN  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 09/7/2020

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Thanh Tùng

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Võ Kỳ Tùng và bà Đỗ Thị Hải

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Thúy Loan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy An

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Ngô Văn K - sinh năm 1989

Trú tại: Thôn G, xã A, huyện TA, tỉnh Phú Yên

Có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Phùng Thị Bích T - sinh năm 1995

Trú tại: Thôn G, xã A, huyện TA, tỉnh Phú Yên

Vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Phùng G - sinh năm 1945, bà Nguyễn Thị T - sinh năm 1950

Đều trú tại: Thôn G, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên

Đều vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Tại đơn khởi kiện đề 03/10/2019 và được bổ sung tại phiên tòa, nguyên đơn anh Ngô Văn K trình bày: Anh K và chị Phùng Thị Bích T tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 28/3/2016 tại Ủy ban nhân dân xã An Mỹ, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

Quá trình sống chung, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nên chị T đã làm đơn ly hôn, nhưng không đến Tòa để giải quyết vụ việc. Anh K thừa nhận thỉnh thoảng đi biển về có nhậu nhẹt và thừa nhận có đuổi chị T ra khỏi nhà vì chị T có thái độ không tôn trọng các cháu và bạn của anh khi anh K có tổ chức ăn

uống trong nhà thì chị T đuổi mọi người về. Sau khi chị T bỏ về nhà mẹ ruột, anh K có năn nỉ ba lần nhưng chị T không đồng ý, chứ anh K không có tới nhà chửi chị T. Vì vậy, anh K không đồng ý ly hôn với chị T. Tuy nhiên, nếu chị T vẫn cương quyết ly hôn thì đề nghị Tòa giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Ngô Phùng Khánh Dân - sinh ngày 08/5/2017, hiện cháu Dân do chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng, nếu ly hôn, anh K đồng ý để chị T tiếp tục nuôi con, anh K không cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp chị T không nuôi con thì anh K sẽ trực tiếp nuôi con, không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng có 100.000.000đ gửi tiết kiệm tại chi nhánh Ngân hàng N chi nhánh huyện TA, tỉnh Phú Yên, tài khoản đứng tên chị T. Tháng 4/2018, vợ chồng rút 10.000.000đ để chi tiêu gia đình, còn lại 90.000.000đ. Anh K yêu cầu chia số tiền 90.000.000đ để mỗi người sở hữu  $\frac{1}{2}$ . Về nợ chung: không có.

- Bị đơn chị Phùng Thị Bích T trình bày: Vợ chồng tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 28/3/2016 tại Ủy ban nhân dân xã An Mỹ, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên. Thời gian đầu mới kết hôn vợ chồng chung sống bình thường, sống chung được khoảng 05 tháng thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh K nhậu nhẹt, mỗi lần say sấn về nhà chửi mắng, đập phá đồ đạc, đòi đuổi chị T đi nhiều lần. Trong cuộc sống hàng ngày, anh K không có lập trường, việc gì cũng nghe lời mẹ, không cần biết đúng sai. Không thể chịu đựng được cuộc sống như vậy, chị T đã đưa con về nhà mẹ ruột sinh sống từ tháng 8/2018 đến nay. Từ khi chị T về nhà mẹ ruột sống thì anh K vẫn thường xuyên đến chửi và còn đe dọa chị T chứ không một lần nào khuyên nhủ hay có thái độ hòa giải. Cảm thấy cuộc sống không hạnh phúc, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng nên không thể duy trì quan hệ hôn nhân, chị T yêu cầu được ly hôn với anh K.

Về con chung: Chị T và anh K có 01 con chung là Ngô Phùng Khánh D - sinh ngày 08/5/2017, hiện cháu D do chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng; chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu D. Chị T không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu giải quyết. Về yêu cầu của anh K, chị T thừa nhận có gửi tiết kiệm 100.000.000đ tại chi nhánh Ngân hàng N huyện TA. Tuy nhiên, vợ chồng chỉ có 01 cây vàng y 9999 (giá trị khoảng 33.000.000đ), số tiền còn lại là của cha mẹ chị T bán đất nhờ chị T đứng tên gửi tiền ở Ngân hàng để lấy lãi. Chị T đã rút hết 100.000.000đ về chi tiêu gia đình và trả lại tiền cho cha mẹ chị T, nên không đồng ý yêu cầu chia tài sản chung của anh K.

Tòa án nhân dân huyện Tuy An đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

- Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An tham gia phiên tòa phát biểu: Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký và nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã vi phạm điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Về con chung: Giao con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh K không cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị chia đôi số tiền 90.000.000đ mà chị T đã gửi tiết kiệm tại Ngân hàng. Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Tuy An nhận định:

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

- Ngày 22 tháng 02 năm 2019, Tòa án nhân dân huyện Tuy An thụ lý vụ án số 35/2019/TLST-HNGĐ về việc tranh chấp “Ly hôn” do nguyên đơn chị Phùng Thị Bích T khởi kiện. Tuy nhiên, ngày 03/10/2019, Tòa án nhân dân huyện Tuy An ban hành quyết định đình chỉ giải quyết do nguyên đơn vắng mặt 02 lần không có lý do. Bị đơn anh Ngô Văn K tiếp tục yêu cầu ly hôn với chị Phùng Thị Bích T và đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm, nên Tòa án xác định lại tư cách tham gia tố tụng của anh K là nguyên đơn.

- Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ và niêm yết hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

#### **[2] Về nội dung tranh chấp:**

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Ngô Văn K và chị Phùng Thị Bích T tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân, đã đăng ký kết hôn ngày 28/3/2016 tại Ủy ban nhân dân xã An Mỹ, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, nên được coi là hôn nhân hợp pháp.

Các đương sự thừa nhận vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do kinh tế khó khăn, anh K nhậu nhẹt, mỗi lần say sưa về nhà chửi mắng, đập phá đồ đạc, đuổi chị T ra khỏi nhà. Chị T và anh K đã không còn sống chung từ tháng 8/2018 đến nay và không còn quan tâm đến nhau.

Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và tài liệu chứng cứ đã được kiểm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định tình trạng hôn nhân của anh K, chị T là trầm trọng do mâu thuẫn kéo dài và cả hai cũng không có biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn nên đời sống chung của vợ chồng thực tế không tồn tại vì vậy mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp

nhận yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị của Kiểm sát viên, cho anh K được ly hôn với chị T.

- Về con chung: Các đương sự thống nhất vợ chồng có 01 con chung là Ngô Phùng Khánh Dân - sinh ngày 08/5/2017, hiện nay đang ở với gia đình chị T. Anh K đồng ý giao con chung cho chị T nuôi dưỡng; Bị đơn yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu D, không yêu cầu anh K phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi vợ chồng chị T không còn sống chung, chị T nuôi dưỡng con chung vẫn bảo đảm sự phát triển bình thường của cháu D, nên tiếp tục giao cháu D cho chị T nuôi dưỡng, anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Anh K cho rằng vợ chồng có 100.000.000đ gửi tiết kiệm tại chi nhánh Ngân hàng N chi nhánh huyện TA, tỉnh Phú Yên, tài khoản đứng tên chị T. Tháng 4/2018, vợ chồng rút 10.000.000đ để chi tiêu gia đình, còn lại 90.000.000đ. Anh K yêu cầu sở hữu  $\frac{1}{2}$  số tiền chung của vợ chồng. Chị T thừa nhận có gửi tiết kiệm số tiền 100.000.000đ, trong đó vợ chồng có khoảng 33.000.000đ (giá trị 01 cây vàng y), số còn lại là của cha mẹ chị T nhờ gửi dùm. Chị T đã rút số tiền gửi tiết kiệm trả cha mẹ và lo chi phí gia đình nên không đồng ý chia.

Xét thấy, ngày 03/10/2017 chị T đã gửi tiết kiệm tại Chi nhánh Ngân hàng N huyện TA số tiền 105.000.000đ. Đến ngày 17/10/2018, ngân hàng đã tất toán số tiền gốc và lãi cho chị T (bút lục số 29, 30).

Chị T cho rằng vợ chồng chị chỉ có 01 cây vàng y (trị giá khoảng 33.000.000đ) trong tổng số tiền gửi tiết kiệm, số còn lại là của cha mẹ chị T (ông Phùng, bà T) nhờ gửi dùm và chị đã rút hết số tiền tiết kiệm để chi tiêu gia đình và trả cho cha mẹ, nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình; Đồng thời, ông Phùng, bà T không cung cấp tài liệu, chứng cứ và không yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền của mình như chị T đã trình bày, nên Tòa án không chấp nhận ý kiến của chị T.

Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng chị T và anh K có tài sản chung là số tiền gửi tiết kiệm tại Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Tuy An vào ngày 03/10/2017, nhưng ngân hàng đã tất toán số tiền gốc và lãi cho chị T.

Anh K yêu cầu chia 90.000.000đ là có lợi cho chị T. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh K, xác định số tiền 90.000.000đ là tài sản chung của vợ chồng (do chị T quản lý) và chia anh K, chị T mỗi người sở hữu  $\frac{1}{2}$  số tiền là 45.000.000đ, đồng thời buộc chị T có nghĩa vụ trả chênh lệch giá trị tài sản chung được nhận cho anh K là 45.000.000đ.

[3] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí HNGĐ-ST và án phí DSST theo quy định; Bị đơn phải chịu án phí DSST theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 58, 59, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Các Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Ngô Văn K được ly hôn với chị Phùng Thị Bích T.

2. Về con chung:

- Chị Phùng Thị Bích T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Ngô Phùng Khánh D - sinh ngày 08/5/2017 (cháu Dân hiện đang sống với chị T). Anh Ngô Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Người không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung:

- Anh Ngô Văn K, chị Phùng Thị Bích T mỗi người được sở hữu số tiền 45.000.000đ (*Bốn mươi lăm triệu đồng*);

- Chị T đang quản lý số tiền 90.000.000đ (*Chín mươi triệu đồng*), nên chị T có nghĩa vụ trả chênh lệch giá trị tài sản chung được nhận cho anh K là 45.000.000đ (*Bốn mươi lăm triệu đồng*).

4. Về án phí:

- Anh Ngô Văn K phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và phải chịu 2.250.000đ án phí DSST, tổng cộng là 2.550.000đ (*Hai triệu, năm trăm, năm mươi ngàn đồng*). Nhưng được khấu trừ 2.550.000đ (*Hai triệu, năm trăm, năm mươi ngàn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0011747 ngày 07/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy An.

- Chị Phùng Thị Bích T phải chịu 2.250.000đ (*Hai triệu, hai trăm, năm mươi ngàn đồng*) án phí DSST.

5. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

**\* Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Tuy An (2);
- Chi cục THADS huyện Tuy An;
- UBND xã An Mỹ, H. Tuy An;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Thanh Tùng**

*Các Hội thẩm nhân dân*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*

**\* Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Tuy An (2);
- Chi cục THADS huyện Tuy An;
- UBND xã An Mỹ, H. Tuy An;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Thanh Tùng**